

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/DS-ST
Ngày 13 tháng 01 năm 2023
“V/v tranh chấp hợp đồng góp hội”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Thành Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Việt Thắng

2/ Ông Hồ Quang Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Nga Muội - Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 424/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hội”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 341/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Lệ T, sinh năm 1966 (Có mặt).

- Bị đơn:

Bà Huỳnh Hồng Đ, sinh năm 1983 (Yêu cầu xét xử vắng mặt).

Ông Trần Thành C, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

Tất cả cùng trú: Ấp S, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***/ Nguyên đơn bà Nguyễn Lệ T trình bày:**

Bà T là hội viên, bà Đ và ông C là chủ của các dây hội ngày 22/5/2019 âm lịch (loại hội 1.000.000 đồng, hội có 53 chung, khai 01 lần/tháng) và dây hội ngày 02/6/2019 âm lịch (loại hội 500.000 đồng, hội có 60 chung, khai 02 lần/tháng). Đối với dây hội ngày 22/5/2019 âm lịch, nguyên đơn góp được 26 lần số tiền 26.000.000 đồng và dây hội ngày 02/6/2019 âm lịch nguyên đơn góp được 51 lần với tiền 25.500.000 đồng. Tính đến tháng 10/2021, bà Đ và ông C tuyên bố bế hội, thì bà Đ và ông C còn nợ nguyên đơn của 02 dây hội (dây hội ngày 22/5/2019 âm lịch và dây hội ngày 02/6/2019 âm lịch) số tiền 51.500.000 đồng. Ngoài ra, bà Đ và ông C còn nợ nguyên đơn tiền hội số tiền 68.900.000 đồng, tổng cộng 120.400.000 đồng. Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Đ và ông C cùng liên đới trả cho nguyên đơn số tiền 120.400.000 đồng.

/ Bị đơn bà **Huỳnh Hồng Đ trình bày:* Theo Đơn khởi kiện ngày 19/7/2022 của bà T khởi kiện yêu cầu vợ chồng bị đơn trả tiền hội số tiền 120.400.000 đồng là đúng, vợ chồng bị đơn đồng ý trả cho bà T số tiền này. Bị đơn là chủ hội của dây hội ngày 22/5/2019 âm lịch (loại hội 1.000.000 đồng, khai 01 lần/tháng, có 53 chung), bà T chơi 01 chung, góp được 26 lần với số tiền 26.000.000 đồng; dây hội ngày 02/6/2019 âm lịch (loại hội 500.000 đồng, khai 02 lần/tháng, có 60 chung), bà T chơi 01 chung, góp được 51 lần với số tiền 25.500.000 đồng, tổng cộng 51.500.000 đồng và bị đơn còn thiếu bà T số tiền 68.900.000 đồng. Tổng cộng, bị đơn còn thiếu bà T tiền hội 120.400.000 đồng. Nay, do điều kiện đi làm ăn, bị đơn (Đang) xin xét xử vắng mặt.

/ Đối với bị đơn ông **Trần Thành C:* Khi thụ lý, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt, niêm yết đúng theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn vắng mặt, không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Đối với bị đơn bà Huỳnh Hồng Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn bị đơn ông Trần Thành C đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, cần xét xử vắng mặt là phù hợp.

[2] **Về quan hệ pháp luật tranh chấp:** Được xác định là “Tranh chấp hợp đồng góp hội” và đồng thời bị đơn có nơi cư trú tại ấp S, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau, nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng theo khoản 3, Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung:

Bà T là hội viên, bà Đ và ông C là chủ các dây hội ngày 22/5/2019 âm lịch (loại hội 1.000.000 đồng, hội có 53 chung, khai 01 lần/tháng) và dây hội ngày 02/6/2019 âm lịch (loại hội 500.000 đồng, hội có 60 chung, khai 02 lần/tháng).

Đối với dây hội ngày 22/5/2019 âm lịch, bà T góp được 26 lần số tiền 26.000.000 đồng và dây hội ngày 02/6/2019 âm lịch bà T góp được 51 lần số tiền 25.500.000 đồng.

Tính đến tháng 10/2021, bà Đ và ông C tuyên bố bỏ hội, thì bà Đ và ông C còn nợ bà T của 02 dây hội (dây hội ngày 22/5/2019 âm lịch và dây hội ngày 02/6/2019 âm lịch) số tiền 51.500.000 đồng.

Ngoài ra, bà Đ và ông C còn nợ bà T tiền hội số tiền 68.900.000 đồng, tổng cộng 120.400.000 đồng.

Nay, bà T khởi kiện yêu cầu bà Đ và ông C cùng liên đới trả cho bà T số tiền nêu trên.

Tại phiên tòa, bà Đ và ông C vắng mặt, nhưng bà Đ có Bản tự khai ngày 06/12/2022 giao nộp cho Tòa án, bà Đ thừa nhận vợ chồng bà Đ và ông C có thiếu bà T tiền với tổng số tiền 120.400.000 đồng, không có yêu cầu gì khác và đồng ý trả.

Từ đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà Đ và ông C có trách nhiệm liên đới trả cho bà T số tiền 120.400.000 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận, buộc bà Đ và ông C phải nộp án phí dân sự có giá ngạch số tiền 6.020.000 đồng, bà T được nhận lại án phí số tiền 3.010.000 đồng theo lai thu số 5241 ngày 04/8/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147; các điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 27; Điều 30; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2014; Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, họ, họ; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Lệ T.

2/ Buộc bị đơn ông Trần Thành C và bà Huỳnh Hồng Đ có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Lệ T số tiền 120.400.000 đồng (bằng chữ: Một trăm hai mươi triệu bốn trăm ngàn đồng).

3/ “Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án không thi hành xong khoản tiền trên, người bị thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả”.

4/ Về án phí:

Buộc ông Trần Thành C và bà Huỳnh Hồng Đ phải nộp án phí số tiền 6.020.000 đồng (bằng chữ: Sáu triệu không trăm hai mươi ngàn đồng - Chưa nộp).

Bà Nguyễn Lệ T được nhận lại án phí số tiền 3.010.000 đồng (bằng chữ: Ba triệu không trăm mười ngàn đồng) theo lai thu số 5241 ngày 04/8/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau.

5/ Về quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Lệ T được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Trần Thành C và bà Huỳnh Hồng Đ được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

6/ “Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự (03b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lâm Thành Quang